TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 816/2025/QĐST-HNGĐ	*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 12 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 494/2025/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2025 giữa:

- Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Hoàng T**, sinh ngày 12/9/1981.

Địa chỉ: 134 ĐCM, khu phố 7, phường C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Số CCCD: 079081004xxx, ngày cấp 22/11/2021 tại Cục Quản lý Hành chính về TTXH

- Bị đơn: Bà **Nguyễn Hoàng T,** sinh ngày 10/01/1981.

Địa chỉ: 151 ĐCM, phường C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Số CCCD: 079181012xxx, ngày cấp 17/02/2021 tại Cục Quản lý Hành chính về TTXH.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 26 tháng 11 năm 2025.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 26 tháng 11 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Nguyễn Hoàng T và bà Nguyễn Hoàng T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Hoàng T và bà Nguyễn Hoàng T thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số abc do Ủy ban nhân dân Phường S, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10/06/2005 cho ông Nguyễn Hoàng T và bà Nguyễn Hoàng T không còn giá trị pháp lý.

2.2. Về con chung: Ông Nguyễn Hoàng T và bà Nguyễn Hoàng T chung sống với nhau có 02 con chung là Nguyễn Ngọc Minh P (nam), sinh ngày: 03/07/2006 (đã trưởng thành) và trẻ Nguyễn Ngọc Minh P (nam), sinh ngày: 29/09/2009. Khi ly hôn, ông Nguyễn Hoàng T và bà Nguyễn Hoàng T cùng thống nhất giao trẻ Nguyễn Ngọc Minh P cho bà Nguyễn Hoàng T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Hoàng T không cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con mà lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

2.3. Về tài sản chung: Ông Nguyễn Hoàng T và bà Nguyễn Hoàng T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

2.4. Về nợ chung: Ông Nguyễn Hoàng T và bà Nguyễn Hoàng T xác nhận không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

2.5. Về án phí: Ông Nguyễn Hoàng T tự nguyện chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng mà ông Nguyễn Hoàng T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số ký hiệu: BLTU/25E/0006619 ngày 31/7/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Nguyễn Hoàng T còn được nhận lại số tiền chênh lệch là 150.000 (Một trăm năm mươi ngàn) đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự (2).
- VKSND KV10-TP.HCM (2).
- THADS TP.HCM (1).
- Cơ quan đăng ký kết hôn (1).
- Lưu VP, hồ sơ vụ án (3).

THẨM PHÁN

Trần Thị Thanh Huyền